

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH**

**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

**Giấy chứng nhận đăng ký  
doanh nghiệp**

Số 2900765728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 3 tháng 5 năm 2013.

*Tại ngày ký báo cáo tài chính này*

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Tiến Dũng  
Ông Hoàng Lâm Hòa  
Ông Ngô Quang Danh  
Ông Nguyễn Xuân Hải  
Ông Nguyễn Kim Hòa

Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Lâm Hòa  
Đặng An Hải  
Trần Đức Sơn

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Hoàng Lâm Hòa

Giám đốc

**Trụ sở chính**

Số 54, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. DLL



---

Hoàng Lâm Hòa  
Giám đốc

Nghệ An, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2016. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 9 đến trang 32.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đề cập ở Thuyết minh số 6 của báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt (“thuế TTĐB”) phải nộp bổ sung cho các năm 2013, 2014 và 2015 như một khoản chi phí thuế trên báo cáo tài chính mà chỉ ghi nhận khoản thuế TTĐB đã nộp bổ sung tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như một khoản phải thu khác từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ. Nếu Công ty ghi nhận các khoản thuế TTĐB này như một khoản chi phí thuế thì lợi nhuận trước thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 11.826.482.096 Đồng Việt Nam, lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 34.926.195.087 Đồng Việt Nam, và số dư khoản phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 34.926.195.087 Đồng Việt Nam.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trong yếu tình hình tài chính của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không đưa ra thêm ý kiến ngoại trừ, chúng tôi cần lưu ý đến Thuyết minh số 2.14 của báo cáo tài chính cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN của Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 3 tháng 12 năm 2013. Việc áp dụng Công văn này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán 18 nói trên, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần phải lập là 7.561.376.500 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7.650.961.500 Đồng Việt Nam) và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm một khoản tương ứng.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Quách Thành Châu  
Số Giấy chứng nhận  
ĐKHN kiểm toán: 0875-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1493  
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Khuất Thị Liên Hương  
Số Giấy chứng nhận  
ĐKHN kiểm toán: 1638-2014-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại – Thuyết minh 35)
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>113.314.198.980</b>	<b>124.578.475.597</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.841.098.080	38.094.051.491
111	Tiền		6.541.098.080	2.294.051.491
112	Các khoản tương đương tiền		6.300.000.000	35.800.000.000
130	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>59.905.929.633</b>	<b>42.075.714.389</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	20.724.696.648	31.522.715.552
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	3.648.603.447	8.828.540.292
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	35.532.629.538	1.724.458.545
140	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>40.098.859.616</b>	<b>43.505.680.841</b>
141	Hàng tồn kho	7	40.120.902.957	43.527.724.182
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(22.043.341)	(22.043.341)
150	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>468.311.651</b>	<b>903.028.876</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	371.046.222	854.889.162
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		97.265.429	48.139.714
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>128.521.846.625</b>	<b>87.337.116.848</b>
220	<b>Tài sản cố định</b>		<b>61.219.405.609</b>	<b>39.113.408.071</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	61.159.280.609	39.113.408.071
222	Nguyên giá		362.984.060.570	334.426.083.876
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(301.824.779.961)	(295.312.675.805)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	60.125.000	-
228	Nguyên giá		239.900.000	122.900.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(179.775.000)	(122.900.000)
240	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>19.515.000</b>	<b>5.528.591.590</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	19.515.000	5.528.591.590
260	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>67.282.926.016</b>	<b>42.695.117.187</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	67.282.926.016	42.695.117.187
270	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>241.836.045.605</b>	<b>211.915.592.445</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm		
			2015 VND	2014 VND	(Trình bày lại – Thuyết minh 35)
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>90.450.887.094</b>	<b>54.897.810.175</b>	
310	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>86.518.155.147</b>	<b>50.366.032.804</b>	
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	23.053.343.837	21.555.583.059	
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	12.813.135.526	16.495.854.574	
314	Phải trả người lao động		6.192.303.283	4.607.366.350	
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	2.286.841.681	1.156.185.857	
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	7.754.672.478	6.532.380.956	
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	34.609.407.214	-	
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	(191.548.872)	18.662.008	
330	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>3.932.731.947</b>	<b>4.531.777.371</b>	
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28(b)	3.932.731.947	4.531.777.371	
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>151.385.158.511</b>	<b>157.017.782.270</b>	
410	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>151.347.758.511</b>	<b>156.980.382.270</b>	
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17,18	105.000.000.000	105.000.000.000	
412	Thặng dư vốn cổ phần	18	7.390.909.325	7.390.909.325	
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	21.774.479.829	21.774.479.829	
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	10.500.000.000	10.500.000.000	
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	6.682.369.357	12.314.993.116	
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-	
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		6.682.369.357	12.314.993.116	
430	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>37.400.000</b>	<b>37.400.000</b>	
431	Nguồn kinh phí		37.400.000	37.400.000	
440	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>241.836.045.605</b>	<b>211.915.592.445</b>	

Phan Thị Trang  
Người lậpNgô Quang Danh  
Kế toán trưởngHoàng Lâm Hòa  
Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ (Trình bày lại – Thuyết minh 35)
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	283.804.483.766
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		283.804.483.766
11	Giá vốn hàng bán	22	(224.124.968.153) (208.944.523.874)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.679.515.613
21	Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.226.774.475
22	Chi phí tài chính	24	(7.159.179)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		- (38.662.060)
25	Chi phí bán hàng	25	(22.264.358.453)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(17.721.442.858)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.913.329.598
31	Thu nhập khác	27	12.509.255.830
32	Chi chí khác	27	(6.550.431.763)
40	Lợi nhuận khác		5.958.824.067
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.872.153.665
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28(a)	(6.723.182.948)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28(b)	599.045.424
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		20.748.016.141
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	1.719 1.060



Phan Thị Trang  
Người lập



Ngô Quang Danh  
Kế toán trưởng




Hoàng Lâm Hòa  
Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b> Điều chỉnh cho các khoản:	26.872.153.665	16.922.639.728
02	Khấu hao tài sản cố định	10.320.514.951	17.668.954.888
03	Các khoản dự phòng	-	22.043.341
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.159.179	4.372.060
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(220.500.000)	(126.537.015)
06	Chi phí lãi vay	-	34.290.000
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	36.979.327.795	34.525.763.002
09	Tăng các khoản phải thu	(23.059.277.804)	(8.309.828.593)
10	Giảm /(tăng) hàng tồn kho	3.406.821.225	(10.501.944.660)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11.232.327.058	(4.788.429.614)
12	Tăng chi phí trả trước	(24.103.965.889)	(6.704.833.828)
14	Tiền lãi vay đã trả	-	(34.290.000)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10.007.766.973)	(1.823.123.020)
16	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	309.291.000	9.150.834.000
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(3.800.141.780)	(7.987.884.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	(9.043.385.368)	3.526.263.287
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(27.605.555.693)	(23.000.911.638)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	220.500.000	163.800.000
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	(27.385.055.693)	(22.837.111.638)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	34.609.407.214	-
34	Chi trả nợ gốc vay	-	(900.000.000)
36	Cỗ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(23.426.760.385)	(14.487.865.425)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	11.182.646.829	(15.387.865.425)
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	(25.245.794.232)	(34.698.713.776)
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	3	38.094.051.491
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỉ giá quy đổi ngoại tệ		(7.159.179)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	3	12.841.098.080
			38.094.051.491

Phan Thị Trang  
Người lập

Ngô Quang Danh  
Kế toán trưởng



Hoàng Lâm Hòa  
Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Nghị quyết họp Đại hội cổ đông về việc hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ An và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh ngày 9 tháng 9 năm 2006. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900765728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 25 tháng 9 năm 2006.

Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các sản phẩm bia, cồn, rượu, nước giải khát;
- Gia công và sản xuất các loại phụ tùng, thiết bị phục vụ cho ngành bia, nước giải khát;
- Lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, cho thuê văn phòng;
- Mua bán các loại nguyên, nhiên vật liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát.

Công ty có trụ sở chính tại Số 54, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 258 nhân viên (2014: 255 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng**

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các thay đổi của Thông tư 200 theo Điều 127 của Thông tư 200. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán được áp dụng phi hồi tố:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ - Thuyết minh 2.4

Theo Quyết định 15, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo Thông tư 200, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu – Thuyết minh 19

Theo Quyết định 15, Công ty tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo các khoản lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (tỷ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Theo Thông tư 200, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách dùng lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ số) chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay theo Thông tư 200. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 35 – Số liệu so sánh.

**2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định bao gồm tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà xưởng	4 - 20%
Máy móc, thiết bị	15 - 20%
Phương tiện vận tải	15%
Thiết bị văn phòng	20 - 33%

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là bao bì, chai, két, công cụ, dụng cụ sản xuất đã đưa vào sử dụng.

Chai, két được phân bổ trong thời gian 3 năm. Bốc, bình inox được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.10 Thuê tài sản cố định**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.14 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN của Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính ban hành ngày 3 tháng 12 năm 2013. Việc áp dụng công văn này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được lập khi doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.

Theo Luật Lao động Việt Nam và Luật Bảo hiểm xã hội, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tại Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 nói trên, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần phải lập là 7.561.376.500 VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 7.650.961.500 VNĐ)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.15 Vốn chủ sở hữu**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**2.16 Phân chia lợi nhuận thuần**

(a) **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ này được chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển.

(b) **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

(c) **Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

**2.17 Ghi nhận doanh thu**

(a) **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

(b) **Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.19 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

**2.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.22 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Tiền mặt	1.587.254.265	797.987.943
Tiền gửi ngân hàng	4.953.843.815	1.496.063.548
Các khoản tương đương tiền (*)	6.300.000.000	35.800.000.000
	<u>12.841.098.080</u>	<u>38.094.051.491</u>

(\*) Khoản mục này bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng (31 tháng 12 năm 2015: kỳ hạn 1 tháng) kể từ ngày gửi.

**4 PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Phải thu từ bên thứ ba	620.543.888	631.905.492
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	<u>20.104.152.760</u>	<u>30.890.810.060</u>
	<u>20.724.696.648</u>	<u>31.522.715.552</u>

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và cung cấp máy móc thiết bị	3.025.234.884	7.145.704.567
Trả trước cho nhà cung cấp khác	<u>623.368.563</u>	<u>1.682.835.725</u>
	<u>3.648.603.447</u>	<u>8.828.540.292</u>

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Phải thu công ty mẹ liên quan đến thuế tiêu thụ đặc biệt nộp bổ sung (*)	34.926.195.087	-
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	-	298.321.111
Tạm ứng	589.514.026	1.203.470.034
Phải thu khác	<u>16.920.425</u>	<u>222.667.400</u>
	<u>35.532.629.538</u>	<u>1.724.458.545</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC (tiếp theo)**

(\*) Theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước và Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty phải nộp bổ sung thuế tiêu thụ đặc biệt ("thuế TTĐB") số tiền 11.798.817.388 VNĐ cho năm 2013, 11.300.895.603 VNĐ cho năm 2014, và 8.251.380.370 VNĐ cho 9 tháng đầu năm 2015 vào Ngân sách Nhà nước ("NSNN"). Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cũng ước tính thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 là 3.575.101.726 VNĐ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã nộp tổng số tiền 34.609.407.214 VNĐ thuế TTĐB nêu trên vào NSNN, số còn lại 316.787.873 VNĐ được nộp vào tháng 1 năm 2016.

Theo quan điểm của Ban Giám đốc, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho năm 2013, 2014 và 2015 sẽ được Tổng Công ty Cổ phần - Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn (công ty mẹ) hoàn trả. Do đó, Ban Giám đốc không ghi nhận các khoản thuế TTĐB phải nộp bổ sung này như một khoản chi phí thuế vào kết quả hoạt động kinh doanh mà chỉ ghi nhận như một khoản phải thu khác từ công ty mẹ. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty chưa nhận được quyết định chính thức từ công ty mẹ liệu rằng trách nhiệm nộp bổ sung các khoản thuế này sẽ do công ty mẹ hay Công ty chịu.

**7 HÀNG TỒN KHO**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Nguyên vật liệu tồn kho	27.402.647.897	24.899.001.422
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.769.863.149	9.049.790.481
Chi phí SXKD dở dang	7.600.905.412	8.005.408.865
Thành phẩm tồn kho	2.625.825.566	884.201.291
Hàng gửi đi bán	721.660.933	689.322.123
	<hr/>	<hr/>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	40.120.902.957 (22.043.341)	43.527.724.182 (22.043.341)
	<hr/>	<hr/>
	40.098.859.616	43.505.680.841
	<hr/>	<hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí thuê và sửa chữa xe, biển đơn, biển dựng.

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Vỏ chai, két, bao bì chờ phân bô	13.007.409.475	20.011.022.458
Công cụ, dụng cụ khác	11.090.007.073	6.721.517.644
Chi phí sửa chữa	11.841.106.010	3.495.587.797
Box Inox	31.344.403.458	12.466.989.288
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	67.282.926.016	42.695.117.187
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	42.695.117.187	34.889.651.753
Tăng trong năm	47.999.234.097	26.670.194.259
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(220.034.099)	-
Phân bổ trong năm	(23.191.391.169)	(18.864.728.825)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Số dư cuối năm	67.282.926.016	42.695.117.187
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CONG TY CO PHAN BIA SAI GON - NGHE TINH

CHO NAM TAI CHINH KET THUC NGAY 31 THANG 12 NAM 2015  
IHDYEI MINH BAO CAO TAI CHINH

(a) Tài sản có định hưu hình

TAI SAN CÓ ĐỊNH

Mẫu số B 09 - DN

18

Nguyễn già tài sản có c  
204.232.193.897 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm/ Máy tính VNĐ
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	122.900.000
Mua trong năm	117.000.000
	239.900.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	239.900.000
<b>Khäu hao lũy kê</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	(122.900.000)
Khäu hao trong năm	(56.875.000)
	(179.775.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	(179.775.000)
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-
	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	60.125.000
	60.125.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khäu hao hết nhưng còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2015 và 2014 là 122.900.000 VNĐ.

**10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	5.528.591.590	422.246.600
Tăng do mua mới	21.270.519.585	6.365.521.945
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(19.897.290.555)	(826.330.273)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(6.882.305.620)	(432.846.682)
	19.515.000	5.528.591.590

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba	6.317.818.332	6.331.344.540
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	<u>16.735.525.505</u>	<u>15.224.238.519</u>
	<u>23.053.343.837</u>	<u>21.555.583.059</u>

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	61.614.484	847.938.454
Thuế tiêu thụ đặc biệt	12.628.191.626	12.240.002.679
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	<u>123.329.416</u>	<u>3.407.913.441</u>
	<u>12.813.135.526</u>	<u>16.495.854.574</u>

**13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí hỗ trợ bán hàng và khuyến mãi	2.149.540.935	604.731.758
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	80.445.855	236.710.000
Khác	<u>56.854.891</u>	<u>314.744.099</u>
	<u>2.286.841.681</u>	<u>1.156.185.857</u>

**14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Kinh phí công đoàn	-	26.611.460
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Cỗ tức phải trả	1.993.225.150	2.319.985.535
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	-	455.463.922
Đặt cọc bao bì luân chuyển từ khách hàng	5.321.466.276	3.451.084.276
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>419.981.052</u>	<u>259.235.763</u>
	<u>7.754.672.478</u>	<u>6.532.380.956</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**15 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN**

	2015 VNĐ
Vay ngắn hạn	34.609.407.214

Tại 18 tháng 12 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDTDTL/NHCT908-BIASGNGHETINH với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với hạn mức cho vay là 34.609.407.214 Đồng, có hiệu lực 6 tháng, được sử dụng để thanh toán thuế tiêu thụ đặc biệt. Thời hạn cho khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất của khoản nợ là 5%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là hợp đồng cầm cố 01/HĐCC - SABECO, bao gồm hợp đồng giao dịch tiền gửi có kỳ hạn số 228/2015/KTGD mệnh giá 300 tỷ Đồng của Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 phát hành.

**16 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	18.662.008	1.003.810.546
Tăng do phân phối lợi nhuận	3.280.639.900	2.754.989.137
Tăng khác	309.291.000	503.703.182
Chi trong năm	(3.800.141.780)	(4.243.840.857)
Số dư cuối năm	<u>(191.548.872)</u>	<u>18.662.008</u>

**17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2015 Cổ phiếu phổ thông	2014 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	10.500.000	10.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.500.000	10.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>10.500.000</u>	<u>10.500.000</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	2015 Cổ phiếu phổ thông	%	2014 Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	57.470.000.000	55%	57.470.000.000	55%
Phần vốn của các đối tượng khác	47.530.000.000	45%	47.530.000.000	45%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>105.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>105.000.000.000</u>	<u>100%</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	10.500.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	10.500.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	10.500.000	105.000.000.000	105.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

## TÌNH HÌNH TÀNG GIAM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHO NAM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Mẫu số B 09 - DN

Tổng cống	Vốn góp của Lợi nhuận sau	Quy định về vốn	Tháng đầu tư	thuộc vốn chủ	chủ sở hữu	Quy định phân	phát triển	so hưu	so hưu	VND	VND	VND	Tài ngay 1 tháng 1 năm 2014
163.958.691.587	105.000.000.000	7.390.909.325	21.699.537.653	19.368.244.609	10.500.000.000	12.857.479.828	(2.754.989.137)	-	-	12.857.479.828	Tích quý khen thưởng, phúc lợi	Tích cổ tức	Tài ngay 31 tháng 12 năm 2014
12.857.479.828	-	-	2.406.235.220	(2.406.235.220)	-	(2.754.989.137)	-	-	-	(2.754.989.137)	Giam khác	Tích cổ tức	Tài ngay 31 tháng 12 năm 2014
163.958.691.587	105.000.000.000	7.390.909.325	21.699.537.653	19.368.244.609	10.500.000.000	12.314.993.116	21.774.479.829	10.500.000.000	156.980.382.270	Lợi nhuận trong năm	Tích cổ tức (i)	Tích quý khen thưởng (ii)	Tài ngay 31 tháng 12 năm 2014
156.980.382.270	105.000.000.000	7.390.909.325	12.314.993.116	21.774.479.829	10.500.000.000	20.748.016.141	-	-	-	20.748.016.141	Lợi nhuận trong năm	Tích quý khen thưởng (iii)	Tài ngay 31 tháng 12 năm 2014
20.748.016.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Trích quý khen thưởng (iii)	Trích quý khen (iii)	Tài ngay 31 tháng 12 năm 2014
20.748.016.141	105.000.000.000	7.390.909.325	6.682.369.357	21.774.479.829	10.500.000.000	151.347.758.511	-	-	-	-	Trích quý khen (iii)	Nghi quyết định số 15/SBN-DHCB, ngày 24 tháng 4 năm 2015	Nghi quyết định số 15/SBN-DHCB, ngày 24 tháng 4 năm 2015

(i) Trong năm, Công ty tiến hành chi trả cổ tức số tiền 12.600.000.000 VND theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 81/2015/NQ-HĐQT về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2015, và tạm ứng cổ tức số tiền 10.500.000.000 theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 81/2015/NQ-HĐQT về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2015 ngày 12 tháng 9 năm 2015.

(ii) Công ty tiến hành tạm trích Quỹ khen thưởng 2015 số tiền 1.000.000.000 VND theo kế hoạch năm 2015 phê duyệt trong Nghị quyết số 15/SBN-DHCB, ngày 24 tháng 4 năm 2015.

(iii) Công ty tiến hành tạm trích Quỹ khen thưởng 2015 số tiền 662.765.909 VND từ lợi nhuận năm 2014, tạm trích theo kế hoạch năm 2015 số tiền 700.000.000 VND và quy định số tiền 1.000.000.000 VND, hoàn lại quy định số tiền 82.126.009 VND (do đã trích thừa năm 2014) theo Nghị quyết dài hạn cổ đông số 15/SBN-DHCB, ngày 24 tháng 4 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**19 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2015	2014
Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.748.016.141	12.857.479.828
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.700.000.000	1.725.000.000
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	18.048.016.141	11.132.479.828
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	10.500.000	10.500.000
	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	1.719	1.060
	<hr/>	<hr/>

**20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền nắm giữ bằng ngoại tệ bao gồm:

	2015	2014
USD	271,62	284,82
EUR	328,85	339,77
	<hr/>	<hr/>

**21 DOANH THU**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Doanh thu từ bán bia	283.793.345.584	251.644.944.466
Doanh thu từ bán nước uống tinh khiết	11.138.182	24.261.818
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần về bán hàng	283.804.483.766	251.669.206.284
	<hr/>	<hr/>

**22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Giá vốn bia	224.114.696.416	208.925.824.957
Giá vốn nước uống tinh khiết	10.271.737	18.698.917
	<hr/>	<hr/>
	224.124.968.153	208.944.523.874
	<hr/>	<hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**23 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lãi tiền gửi	1.226.774.475	3.004.730.612

**24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí lãi vay	-	34.290.000
Lỗ thuần chêch lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.159.179	4.372.060
	<hr/>	<hr/>
	7.159.179	38.662.060
	<hr/>	<hr/>

**25 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nhân viên	5.415.007.905	6.438.551.716
Chi phí vật liệu	1.092.536.342	1.796.860.884
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.980.277.999	145.412.401
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.317.754.134	590.562.750
Dịch vụ mua ngoài	4.782.496.725	3.013.247.908
Chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới	4.513.732.170	3.985.683.920
Chi phí khác	2.162.553.178	1.600.541.194
	<hr/>	<hr/>
	22.264.358.453	17.570.860.773
	<hr/>	<hr/>

**26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nhân viên	7.000.987.797	6.601.313.253
Chi phí vật liệu văn phòng	738.450.073	705.931.082
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	27.052.179	194.923.545
Chi phí khấu hao TSCĐ	911.647.937	507.413.307
Thuế và lệ phí	591.088.871	1.728.017.579
Dịch vụ mua ngoài	5.534.269.618	4.232.143.952
Chi phí khác	2.917.946.383	3.802.394.096
	<hr/>	<hr/>
	17.721.442.858	17.772.136.814
	<hr/>	<hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**27 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý phế liệu, bao bì luân chuyển	11.215.916.600	11.594.576.477
Lãi do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	220.500.000	163.800.000
Giảm giá vật tư mua từ Công ty mẹ	21.757.364	1.132.204.897
Tiền thuê đất nộp thừa	-	145.764.000
Thu nhập khác	1.051.081.866	1.775.511.809
	<hr/> 12.509.255.830	<hr/> 14.811.857.183
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị ghi sổ phế liệu, bao bì luân chuyển thanh lý	4.211.495.993	6.911.473.573
Giá trị ghi sổ tài sản cố định thanh lý	-	37.262.985
Chi phí bị bỏ sót năm trước	543.602.111	1.189.738.987
Thuế nộp bổ sung theo Thanh tra thuế	313.649.783	-
Chi phí khác	1.481.683.876	98.495.285
	<hr/> 6.550.431.763	<hr/> 8.236.970.830
<b>Thu nhập khác</b>	<hr/> 5.958.824.067	<hr/> 6.574.886.353

**28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 22% được thể hiện như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.872.153.665	16.922.639.728
Thuế tính ở thuế suất hiện hành	5.911.873.806	3.722.980.740
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	212.263.718	342.179.160
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<hr/> 6.124.137.524	<hr/> 4.065.159.900
Thuế thu nhập – hiện hành	6.723.182.948	6.009.884.627
Thuế thu nhập – hoãn lại	(599.045.424)	(1.944.724.727)
	<hr/> 6.124.137.524	<hr/> 4.065.159.900

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Phải trả sau 12 tháng	<u>3.932.731.947</u>	<u>4.531.777.371</u>

Biến động gộp của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	4.531.777.371	6.476.502.098
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	(599.045.424)	(1.944.724.727)
Số dư cuối năm	<u>3.932.731.947</u>	<u>4.531.777.371</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao bốc, bình inox công ty áp dụng khác với thời gian theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC.

**29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	146.418.539.723	138.409.596.563
Chi phí nhân công	39.826.165.538	36.298.036.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.320.514.951	17.668.954.888
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	10.907.855.214	9.210.119.439
Các chi phí khác bằng tiền	57.974.814.854	49.213.626.668
	<u>265.447.890.280</u>	<u>250.800.334.541</u>

**30 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015****30 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)****(i) Rủi ro tiền tệ**

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô La Mỹ ("USD") và Euro ("EUR"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không chịu rủi ro lớn về biến động tỷ giá đồng VND so với USD và EUR đáng kể do số dư gốc ngoại tệ USD và EUR do Công ty nắm giữ không đáng kể.

**(ii) Rủi ro về giá**

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá chứng khoán do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro về giá của hàng hóa.

**(iii) Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nếu lãi suất VNĐ tăng/giảm 5% (ước tính % thay đổi lãi suất trong khi tất cả các biến số khác kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi) thì lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn 86.523.518 VNĐ (2014: không có khoản vay nào).

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác với số tiền là 67.704.265.210 VNĐ (2014: 29.244.149.872 VNĐ) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**31 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn do chiếm 55% vốn cổ phần của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
<i>i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (đã bao gồm thuế tiêu TTĐB)</i>		
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	-	286.695.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	270.877.667.520	259.210.600.800
Công ty CP Bia rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	937.418.816	1.464.269.587
Công ty CP Bia Sài Gòn - Sông Lam	277.316.805	8.792.728
Công ty CP Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	-	290.250.000
	<u>272.092.403.142</u>	<u>261.260.608.115</u>
<i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	56.358.437.470	55.285.681.455
Công ty CP Bao bì Sabeco Sông Lam	-	905.908.034
Công ty CP Bia rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	3.093.788.518	3.273.535.834
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	1.381.243.188	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	211.110.000	-
Công ty CP Bia Sài Gòn - Sông Lam	-	2.000.669.847
Trung tâm đào tạo - Nghiên cứu công nghệ đồ uống và thực phẩm Sabeco	-	805.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	4.521.767.040	-
Công ty CP Bia Sài Gòn Bình Tây	124.838.112	-
Công ty CP Rượu Bình Tây	98.687.337	-
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Phú Thọ	1.466.571.781	-
Công Ty CP Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	10.433.280	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	180.241.623	-
	<u>67.447.118.349</u>	<u>62.270.795.170</u>
<i>iii) Mua tài sản cố định</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây	-	2.905.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TỈNH

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

31 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2015 VNĐ	2014 VNĐ
<i>iv) Trả cỗ tức</i>			
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn		12.643.400.000	8.032.500.000
		<u><u>                </u></u>	<u><u>                </u></u>
<i>v) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>			
Lương và các quyền lợi gộp khác		1.689.885.700	1.510.041.000
		<u><u>                </u></u>	<u><u>                </u></u>
<i>vi) Thu nhập từ quyết toán kinh phí hoạt động thị trường</i>			
Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn		-	320.400.000
		<u><u>                </u></u>	<u><u>                </u></u>
<i>vii) Thu nhập từ cho thuê kiot và văn phòng</i>			
CN Công ty CP Thương Mại Bia Sài Gòn tại Hà Tĩnh		60.000.000	-
Công ty CP Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		151.875.000	-
		<u><u>                </u></u>	<u><u>                </u></u>
		211.875.000	-
		<u><u>                </u></u>	<u><u>                </u></u>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

		2015 VNĐ	2014 VNĐ	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)</b>				
Công ty CP Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		-	96.525.000	
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	20.082.008.760	30.794.285.060		
CN Công ty CP Thương Mại Bia Sài Gòn tại Hà Tĩnh	10.000.000	-		
Công ty CP Bia Sài Gòn - Sông Lam	12.144.000	-		
		<u><u>                </u></u>	<u><u>                </u></u>	
		20.104.152.760	30.890.810.060	
		<u><u>                </u></u>	<u><u>                </u></u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**31 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)</b>		
Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	15.595.027.188	14.226.964.002
Công ty CP Bia rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	107.943.546	603.093.794
Công ty CP Bia Sài Gòn - Sông Lam	-	44.532.008
Công ty CP Bao bì Sabeco Sông Lam	-	349.648.715
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	458.219.988	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	15.345.000	-
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Phú Thọ	502.095.660	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	56.894.123	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	16.735.525.505	15.224.238.519
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	4.613.732
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<b>Cỗ tức phải trả</b>		
Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	-	588.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**32 CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN**

Các giao dịch không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính bao gồm khoản phải trả liên quan đến mua tài sản cố định có giá trị 688.119.794 VNĐ (2014: 711.000.000 VNĐ).

**33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Dưới 1 năm	1.981.816.060	1.391.282.060
Từ 1 đến 5 năm	7.927.264.240	7.927.264.240
Trên 5 đến 20 năm	8.468.237.420	10.103.545.380
Trên 20 năm	3.753.837.750	4.100.345.850
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	22.131.155.470	23.522.437.530
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

# CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 09 – DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

### 34 CAM KẾT VỐN

Tại 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng mua mới tài sản cố định và sửa chữa tài sản cố định với số tiền là 6.487.761.020 VNĐ (31 tháng 12 năm 2014: 6.689.110.000 VNĐ).

### 35 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh đã được phân loại và trình bày lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay theo Thông tư 200 như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2014		
		Theo báo cáo trước đây VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số liệu trình bày lại VNĐ
<b>Bảng cân đối Kế toán</b>				
136	Phải thu khác ngắn hạn	222.667.400	1.501.791.145	1.724.458.545
155	Tài sản ngắn hạn khác	1.501.791.145	(1.501.791.145)	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	15.596.279.222	6.178.200.607	21.774.479.829
419	Quỹ dự phòng tài chính	6.178.200.607	(6.178.200.607)	-
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
01	Doanh thu bán hàng	417.849.608.363	(166.180.402.079)	251.669.206.284
02	Các khoản giảm trừ Doanh thu	(166.180.402.079)	166.180.402.079	-
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.225	(165)	1.060

Các báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Phan Thị Trang  
Người lập

Ngô Quang Danh  
Kế toán trưởng



Hoàng Lâm Hòa  
Giám đốc